

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **12/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 03/7/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hằng.

2. Ông Lê Khắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương Trà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 97/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trương Thị N – sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện E, tỉnh Đ – Có mặt.

Bị đơn: ông Vũ Công T – sinh năm 1982. Trú tại: Thôn A, xã S, huyện E, tỉnh Đ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Trương Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, tôi và ông Vũ Công T quyết định về chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Chúng tôi đăng ký kết

hôn vào ngày 17/01/2011 tại UBND xã S, huyện E, tỉnh Đ. Vợ chồng tôi chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tôi tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T không lo làm ăn, không quan tâm gia đình. Nên đến tháng 10/2019 vợ chồng chúng tôi đã ly thân với nhau, trong thời gian ly thân vợ chồng tôi thống nhất tôi nuôi cháu Yên, còn ông T nuôi cháu Đ, trong thời gian ly thân hai vợ chồng cũng không quan tâm chăm sóc nhau. Do đó, những mâu thuẫn trong cuộc sống không được giải quyết nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Xét thấy tình cảm vợ chồng tôi không thể hàn gắn với nhau nên nguyện vọng của tôi là xin ly hôn với ông Vũ Công T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có hai con chung là các cháu: Vũ Anh Đ, sinh ngày 26/11/2011 và cháu Vũ Thị Hải Y, sinh ngày 20/3/2015. Nguyện vọng của tôi là muốn nuôi dưỡng cháu Y, đồng ý giao cháu Đ cho ông T nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị TAND huyện EaKar giải quyết.

Mặc dù bị đơn ông Vũ Công T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp việc kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, Kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

Ngày 18/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn ông Vũ Công T vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Bà Trương Thị N được ly hôn với ông Vũ Công T; Về con chung: Giao con chung cháu Vũ Thị Hải Y, sinh ngày 20/3/2015 cho bà Trương Thị N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao con chung cháu Vũ Anh Đ, sinh ngày 26/11/2011 cho ông Vũ Công T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Đồng thời, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý và giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo đơn khởi kiện của bà Trương Thị N là đúng thẩm quyền xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: Bà Trương Thị N và ông Vũ Công T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/2011 tại UBND xã S, huyện E, tỉnh Đ là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của vợ chồng phù hợp với lời khai của đương sự, xác định: Quan hệ hôn nhân của bà N và ông T hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong hôn nhân, tình trạng đã xảy ra kéo dài và hiện nay các bên không thể hòa giải, đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà N và ông T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trương Thị N là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung là các cháu: Vũ Anh Đ, sinh ngày 26/11/2011 và cháu Vũ Thị Hải Y, sinh ngày 20/3/2015. Xét thấy, đối với cháu Vũ Anh Đ, hiện cháu Đ đã ở với ông T từ khi hai vợ chồng ly thân với nhau, đồng thời cháu Đ cũng có nguyện vọng sống với bố, mặt khác từ khi ly thân đến nay ông T một mình nuôi dưỡng cháu và cháu Đ phát triển bình thường như những đứa trẻ khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu giao con của nguyên đơn bà N. Đối với cháu Vũ Thị Hải Y, hiện cháu đang sống cùng mẹ, và bà N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu, do đó xét đến quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao con chung Vũ Anh Đ, sinh ngày 26/11/2011 cho ông Vũ Công T và giao cháu Vũ Thị Hải Y, sinh ngày 20/3/2015 cho bà Trương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ và phù hợp với Khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung*: Bà Trương Thị N không yêu cầu ông Vũ Công T phải đóng cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Bà Trương Thị N, ông Vũ Công T có quyền đi lại thăm nom các con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, bà N, ông T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con chung. Vì lợi ích của các con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[5] *Về tài sản chung và công nợ chung*: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn Bà Trương Thị N phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0006147 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N.

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị N được ly hôn với ông Vũ Công T.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Anh Đ, sinh ngày 26/11/2011 cho ông Vũ Công T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Giao con chung Vũ Thị Hải Y, sinh ngày 20/3/2015 cho bà Trương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Bà Trương Thị N không yêu cầu ông Vũ Công T phải đóng cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Bà Trương Thị N, ông Vũ Công T có quyền đi lại thăm nom các con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, bà N, ông T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của các con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn Bà Trương Thị N phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0006147 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện Ea Kar.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Trần Văn Ly

